

Bản án số: 18/2018/DS- ST

Ngày: 18/7/2018

V/v: “Tranh chấp HĐ mua bán tài sản ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Ông Phạm Hồng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Bình H, sinh năm 1960; Nơi cư trú : ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1949; Bà Phan Thị C, sinh năm 1949; Cùng nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Bình H và ông Trần Văn M có mặt, bà Phan Thị C có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2018 ông Lê Bình H trình bày:

Từ năm 2009 đến năm 2017 ông có thỏa thuận cung cấp thức ăn chăn nuôi heo cho ông Trần Văn M và bà Phan Thị C, nội dung thỏa thuận “bao heo ra chuồng” nhưng ông M và bà C không thực hiện theo đúng thỏa thuận. Đến ngày 20/9/2017 (dương lịch) tổng số nợ mà ông M và bà C còn thiếu 18.343.000 đồng

và ông M yêu cầu ngừng cung cấp thức ăn, đến ngày 08/10/2017 ông M có trả được 3.400.000 đồng, nên hiện nay ông M và bà C còn nợ lại 14.943.000 đồng. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ngày 24/5/2018 ông khởi kiện yêu cầu ông M và bà C liên đới trả cho ông số tiền nợ thức ăn là 14.943.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 22/6/2017 đến ngày 24/5/2018 là 14 tháng 02 ngày với số tiền là 2.465.595 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 17.408.595 đồng.

Theo biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa ông Lê Bình H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ông chỉ yêu cầu ông M và bà C liên đới trả cho ông số tiền nợ gốc là 14.943.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,3%/tháng tính từ ngày 08/10/2017 đến ngày 24/5/2018 là 07 tháng 16 ngày với số tiền là 1.463.417 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 16.406.417 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên ông Trần Văn M: ông thống nhất với ông H về thời gian thực hiện hợp đồng, hình thức hợp đồng cũng như số tiền thức ăn còn thiếu. Ông đồng ý cùng bà C liên đới trả cho ông H số tiền thức ăn còn thiếu là 14.943.000 đồng, ông yêu cầu được trả dần, mỗi tháng 200.000 đồng và không đồng ý trả lãi vì vợ chồng ông tuổi cao sức yếu, không có khả năng lao động.

Bà Phan Thị C vắng mặt tại Tòa nhưng có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 14/6/2018 như sau: bà thống nhất với ông H về thời gian thực hiện hợp đồng, hình thức hợp đồng cũng như số tiền thức ăn còn thiếu. Bà đồng ý cùng ông M liên đới trả cho ông H số tiền thức ăn còn thiếu là 14.943.000 đồng, bà yêu cầu được trả dần và không đồng ý trả lãi vì vợ chồng bà tuổi cao sức yếu, không có khả năng lao động.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; thông báo thụ lý vụ án đã gửi cho Viện kiểm sát đúng quy định; quá trình thu thập chứng cứ đúng quy định; thông báo giao nộp chứng cứ đúng quy định; kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định; nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bình H về việc yêu cầu ông Trần Văn M và bà Phan Thị C liên đới trả số tiền thức ăn còn thiếu là 14.943.000 đồng và đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của ông H theo mức lãi suất mà pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2018 của ông Lê Bình H đối với bà ông Trần Văn M và bà Phan Thị C thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Xác định ông Lê Bình H là nguyên đơn, ông Trần Văn M và bà Phan Thị C là bị đơn. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Ông Lê Bình H và bà Phan Thị C có nơi cư trú tại huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải, phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và xét xử. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C.

Tại biên bản hòa giải ngày 14/6/2018 cũng như tại phiên tòa ông Lê Bình H rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể số tiền ông yêu cầu từ 17.408.595 đồng xuống còn 16.406.417 đồng, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 217, khoản 3 Điều 218 và khoản 1 Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án về một phần yêu cầu khởi kiện của ông H đối với số tiền 1.002.178 đồng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa ông Lê Bình H yêu cầu ông Trần Văn M và bà Phan Thị C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền thức ăn còn thiếu là 16.406.417 đồng (trong đó: tiền gốc là 14.943.000 đồng và tiền lãi là 1.463.417 đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông M thừa nhận vợ chồng ông còn thiếu ông H số tiền nợ gốc là 14.943.000 đồng nên xác định đây là sự việc có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và ông M và bà C đồng ý liên đới trả cho ông H số tiền nợ gốc 14.943.000 đồng nên Tòa ghi nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của ông Hòa theo mức lãi suất 1,3/tháng từ ngày 08/10/2017 đến ngày 24/5/2018 nhưng ông M và bà C không đồng ý, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi heo giữa ông M và ông H không có thỏa thuận lãi suất, nhưng quá trình thực hiện hợp đồng thì ông M và bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu tính lãi của ông H là có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, mức lãi suất mà ông H yêu cầu cao hơn mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 3 Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm

2015 nên chỉ chấp nhận mức lãi suất là 0,83/tháng với số tiền là 934.336 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

Bị đơn yêu cầu được trả dần mỗi tháng 200.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy yêu cầu này của bị đơn thuộc về giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phan Thị C và ông Trần Văn M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 794.000 đồng do vi phạm nghĩa vụ, nhưng do ông Mừng và bà Chu là người cao tuổi và ông M có đơn xin miễn, giảm án phí áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí cho ông M và bà C.

Ông Lê Bình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng đối với yêu cầu tính lãi của ông không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, khoản 3 Điều 440 và điểm b Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 219 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bình H đối với số tiền 1.002.178 đồng

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Bình H, cụ thể tuyên:

Buộc ông Trần Văn M và bà Phan Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Bình H tổng số tiền thức ăn còn thiếu là 15.877.336. Trong đó: nợ gốc là 14.943.000 đồng, tiền lãi là 934.336 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Bình H về việc yêu cầu ông Trần Văn M và bà Phan Thị C liên đới trả số tiền lãi là 529.081 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông Lê Bình H phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016539 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam. Hoàn Trả cho ông H số tiền 150.000 đồng theo biên lai trên.

Ông Trần Văn M và bà Phan Thị C được miễn toàn bộ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Nam Phạm Hồng Vũ

